

Kle Tan

Kle 177

dl



CTY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG & PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ
TP. HỒ CHÍ MINH (FIDECO)
28 PHÙNG KHẮC KHOAN, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH,
VIETNAM

ĐT: 38221043 - 38230562 - FAX: 84.38225241



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 3168
	Giờ: Ngày 10 tháng 02 năm 10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2009



12/2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH (FIDECO)**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn, cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty đang tại chức đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hữu Chinh	: Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Dũng	: Ủy viên
Ông Võ Tấn Phong	: Ủy viên
Ông Lê Trí Vĩnh	: Ủy viên
Bà Đỗ Lê Hồng Châu	: Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hữu Chinh	: Tổng Giám đốc
Ông Mai Ngọc Yến	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Khánh Quốc	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đăng Tiến	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trí Vĩnh	: Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hậu	: Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Văng Thị Ngọc Phương	: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Xuân Thu	: Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Minh	: Thành viên

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Bằng Nguyên	: Kế toán trưởng
------------------------	------------------

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 1489/GP-UB ngày 23 tháng 12 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059081 ngày 27 tháng 12 năm 1993 do Trọng tài kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất lần thứ 21 ngày 15 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

Trụ sở chính của Công ty: 28 Phùng Khắc Khoan, phường Đa Kao, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH (FIDECO)**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

- Liên doanh hợp tác đầu tư, xây dựng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.
- Chế biến hàng xuất khẩu: nông sản; phương tiện vận tải các loại; nguyên liệu, vật liệu; thiết bị máy móc các ngành dệt, nhựa, hoá chất, xây dựng; hàng kim khí điện, điện gia dụng.
- Chế tác đá quý theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Xây dựng dân dụng.
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 điều 10 của Luật Kinh doanh Bất động sản).
- Sản xuất, gia công giày dép, quần áo.
- Chế biến hàng nông sản.
- Đào tạo: dạy nghề, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, quản trị ứng dụng trong doanh nghiệp.
- Sản xuất lương thực, thực phẩm (không sản xuất tại trụ sở).
- Nhập khẩu, xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu: thủy hải sản, nông sản, lương thực, thực phẩm (trừ gạo, đường mía, đường củ cải), đồ gỗ, các sản phẩm từ sữa.

Công ty nắm quyền kiểm soát toàn bộ:

- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Lương thực Phước An, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4604000010 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/11/2005, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bột mì, mua bán lương thực thực phẩm nên được xem là Công ty con do Công ty sở hữu toàn bộ.
- Công ty TNHH một thành viên Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Địa Ốc Châu Lục, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305106843 do Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp ngày 03/09/2009, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân dụng, mua bán vật liệu xây dựng nên được xem là Công ty con do Công ty sở hữu toàn bộ.

Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành từ việc mua lại phần vốn cổ phần của các cổ đông sáng lập trong công ty này. Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Tp Hồ Chí Minh theo giấy đăng ký kinh doanh số 4403000008 ngày 11 tháng 6 năm 2007 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp là 65.25%.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THỜI KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/10/2009 ĐẾN NGÀY 31/12/2009

- Lãi (lỗ) sau thuế TNDN: (6.395.669.100) VNĐ

Trong đó, Lợi ích cổ đông thiểu số 283.414 VNĐ

Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ (6.395.952.514) VNĐ

**CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH (FIDECO)**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

4. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN KHÁC

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059081 thay đổi lần thứ 21 ngày 15 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 142.976.990.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty đến thời điểm 31/12/2009: **142.976.990.000 VND**

5. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TPHCM, ngày 09 tháng 12 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Hữu Chính

Trần Hữu Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Ngày 31 tháng 12 năm 2009

B01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 31/12/2009	Tập đoàn 01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381,569,336,750	442,871,725,273
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12,676,347,297	7,246,262,327
1. Tiền	111		12,676,347,297	7,246,262,327
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	9,728,396,680	5,741,677,491
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21,192,880,786	21,353,195,685
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(11,464,484,106)	(15,611,518,194)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	116,676,854,515	108,131,666,165
1. Phải thu khách hàng	131		27,947,107,758	38,612,909,201
2. Trả trước cho người bán	132		58,420,694,377	19,301,210,582
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135		32,948,771,351	52,151,450,047
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,639,718,971)	(1,933,903,665)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	236,976,931,223	319,923,550,904
1. Hàng tồn kho	141		236,976,931,223	323,825,435,681
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3,901,884,777)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	5,510,807,035	1,828,568,386
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,997,314,456	186,843,517
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		529,151,480	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		878,186,590	99,375,112
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,106,154,509	1,542,349,757
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		389,289,053,663	349,882,337,955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	646,263,460
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	646,263,460
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.6	44,179,446,355	210,340,296,444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.1	13,310,575,172	14,998,007,083
- Nguyên giá	222		24,425,291,009	23,292,166,987
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11,114,715,837)	(8,294,159,904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6.2	26,064,300,674	26,077,127,333
- Nguyên giá	228		26,101,454,000	26,101,454,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37,153,326)	(24,326,667)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.3	4,804,570,509	169,265,162,028

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
III. Bất động sản đầu tư	240	V.7	182,981,792,029	13,811,345,436
- Nguyên giá	241		197,817,335,224	20,895,920,712
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14,835,543,195)	(7,084,575,276)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	155,972,088,551	120,934,753,749
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		82,371,953,351	41,667,715,749
2. Đầu tư dài hạn khác	258		86,355,730,000	81,008,480,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12,755,594,800)	(1,741,442,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,155,726,728	4,149,678,866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	4,338,985,394	4,149,678,866
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4. Lợi thế thương mại	269		1,816,741,334	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>770,858,390,413</u>	<u>792,754,063,228</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn 31/12/2009	Tập đoàn 01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		501,806,319,116	558,309,881,895
I. Nợ ngắn hạn	310	V.10	332,072,079,489	379,712,258,285
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.1	91,001,375,855	71,909,527,208
2. Phải trả cho người bán	312	V.10.2	17,351,947,436	12,295,997,775
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10.3	50,423,311,408	33,779,265,516
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.4	13,407,121,894	6,405,495,600
5. Phải trả công nhân viên	315	V.10.5	784,408,811	733,203,000
6. Chi phí phải trả	316	V.10.6	3,294,538,878	105,251,313,124
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.7	155,809,375,207	149,337,456,062
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		169,734,239,627	178,597,623,610
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	169,459,377,298	178,309,365,531
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		274,862,329	288,258,079
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		266,899,333,761	234,444,181,333
I. Nguồn vốn, quỹ	410	V.12	269,759,681,977	232,851,186,728
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		142,976,990,000	124,327,690,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		73,850,640,000	92,499,940,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,765,628,904	1,697,074,865
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,134,847,463	3,273,929,284
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		47,031,575,609	11,052,552,579
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(2,860,348,216)	1,592,994,605
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		(2,860,348,216)	1,592,994,605
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		2,152,737,536	-
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		2,152,737,536	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		770,858,390,413	792,754,063,228

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN



TP. HCM, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

TRẦN HỮU CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Tập đoàn từ	Tập đoàn từ	Tập đoàn lũy kế	Tập đoàn lũy kế
			01/10/2009 đến 31/12/2009	01/10/2008 đến 31/12/2008	từ 01/01/2009 đến 31/12/2009	từ 01/01/2008 đến 31/12/2008
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	6.1	89,654,948,216	85,659,289,134	418,712,578,609	386,952,774,931
2. Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-	86,580	13,203,653,300
3. Doanh thu thuần	10	6.3	89,654,948,216	85,659,289,134	418,712,492,029	373,749,121,631
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	47,857,312,786	67,900,685,096	280,327,314,214	294,543,708,801
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		41,797,635,430	17,758,604,038	138,385,177,815	79,205,412,830
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1,026,865,752	(736,426,659)	8,152,067,871	20,787,279,428
7. Chi phí tài chính	22	6.6	29,056,663,150	34,907,310,062	52,062,819,620	53,909,504,452
8. Chi phí bán hàng	24		2,137,632,642	545,243,627	6,455,984,794	4,514,504,220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,736,456,363	10,309,919,159	46,975,333,456	28,817,843,362
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(6,106,250,973)	(28,740,295,469)	41,043,107,816	12,750,840,224
11. Thu nhập khác	31		2,848,648,639	453,363,089	22,771,377,103	1,893,006,485
12. Chi phí khác	32		(29,919,787)	2,059,410	3,489,375	1,709,227,398
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,878,568,426	451,303,679	22,767,887,728	183,779,087
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	33		903,760,562	1,553,135,336	6,054,924,307	2,346,052,445
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2,323,921,984)	(26,735,856,455)	69,865,919,851	15,280,671,756
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	4,071,747,116	-	15,437,909,601	432,621,688
17. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=51-52)	60		(6,395,669,100)	(26,735,856,455)	54,428,010,250	14,848,050,068
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		283,414		(62,824,759)	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(6,395,952,514)	(26,735,856,455)	54,490,835,010	14,848,050,068
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(447)	(2,150)	3,982	1,401

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN

TP.HCM, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



TRẦN HỮU CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU

MÃ SỐ

Tập đoàn 31/12/2009 Tập đoàn 01/01/2009

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

1 Lợi nhuận trước thuế	01	69,865,919,851	16,801,957,744
2 Điều chỉnh cho các khoản		-	
- Khấu hao TSCĐ	02	10,504,412,958	5,377,569,627
- Các khoản dự phòng	03	3,671,049,241	22,189,498,636
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3,339,252,886)	8,537,739,669
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15,522,927,205)	(17,406,976,916)
- Chi phí lãi vay	06	23,773,832,522	22,650,807,480
- Các khoản điều chỉnh Lợi nhuận trước thuế	07	6,831,137,318	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn			
3 Lưu động	08	95,784,171,799	58,150,596,240
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	39,094,789,217	(48,898,145,251)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	100,740,117,662	24,481,512,418
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(125,097,149,186)	90,231,292,985
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,844,925,967)	(1,058,072,248)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(23,892,320,688)	(33,234,227,452)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,578,802,679)	(6,321,486,437)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,641,866,825	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6,555,110,581)	(6,737,171,993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	73,292,636,402	76,614,298,262

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(13,473,259,283)	(49,879,928,891)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(9,100,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	277,108,000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(83,326,222,400)	(33,120,711,407)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	845,118,452
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15,534,338,444	25,118,860,971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(80,988,035,239)	(66,136,660,875)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành trái phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	5,083,299,552	132,255,718,990
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phần của DN	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	579,416,973,479	83,538,000,001

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU

**MÃ
SỐ**

Tập đoàn 31/12/2009 Tập đoàn 01/01/2009

Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(569,175,113,065)	(232,210,855,685)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,324,626,580)	(23,310,410,324)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	13,000,533,386	(39,727,547,018)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	5,305,134,549	(29,249,909,631)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	7,246,262,327	36,447,317,211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	124,950,421	48,854,747
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	12,676,347,297	7,246,262,327

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN

TP.HCM, ngày 09 tháng 12 năm 2010

Tổng Giám đốc



TRẦN HỮU CHINH

• VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp tác đầu tư xây dựng, tư vấn quản trị và du học, đào tạo, xuất khẩu lao động.

Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn

Tổng số các công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3 đơn vị

Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Lương thực Phước An

Địa chỉ: Ấp 1B, xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất bột mì; mua bán lương thực, thực phẩm.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 18.000.000.000 đồng

Công ty Cổ phần ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành

Địa chỉ: Thành Tâm, Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Tỷ lệ phần sở hữu: 65%

Công ty TNHH một thành viên Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Địa ốc Châu Lục

Địa chỉ: Lầu 3, 28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP. HCM

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo Tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Hải Việt

Địa chỉ: 167/10 đường 30 tháng 4, Thành phố Vũng Tàu

Tỷ lệ phần sở hữu: 26.45%

Công ty QTUD-CNTT A.M.I.T

Địa chỉ: Khối nhà A, Lầu 1, 28 Phùng Khắc Khoan, Quận 1, TP. HCM

Tỷ lệ phần sở hữu: 50%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Công ty mẹ

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty con

Niên độ kế toán của Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng, qui đổi ngoại tệ

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 Năm 2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam;

phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và Chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

3. Hình thức kế toán

Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Tập đoàn và Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

4. Chính sách kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất, cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Thời gian hữu dụng bình quân ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Trang thiết bị văn phòng	6 - 8

6. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cho mục đích cho thuê và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản phải trả để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính: 10-40 năm

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

9. Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn

được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường phi tập trung và trên sàn giao dịch chứng khoán tập trung.

10. Kế toán các hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết

Báo cáo tài chính của Tập đoàn phản ánh khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vốn vào các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng với mục tiêu đầu tư chiến lược lâu dài. Theo thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/2/2006 của Bộ Tài Chính hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng, đối với khoản đầu tư dài hạn Công ty sẽ trích lập dự phòng khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

13. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về giá vốn chuyển nhượng cơ sở hạ tầng và các căn hộ đã bán.

14. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Phản ánh các khoản chi phí công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 1 đến 3 năm.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu

của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận cổ tức: căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm được thông qua, và được ghi nhận như khoản phải trả.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ dự phòng tài chính: được trích không vượt quá 5% lợi nhuận ròng với giới hạn tích lũy tối đa không quá 10% vào vốn điều lệ của Công ty

- Số lợi nhuận ròng còn lại sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc được phân phối: từ 55% -> 60% dùng để trả cổ tức cho cổ đông; 5% trích lập quỹ cho Ban Quản trị và Ban Điều hành Công ty; 35% -> 40% dùng để trích 3 quỹ của Công ty, trong đó Quỹ phát triển sản xuất 35%, quỹ khen thưởng phúc lợi là 65%.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hóa thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền và chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các

luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Các khoản mục thuế thể hiện trên báo cáo tài chính là tổng số thuế dự kiến phải nộp cho niên độ báo cáo. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán thuế và khoản dự trừ thuế sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Các số liệu được thể hiện bằng Việt Nam đồng trừ trường hợp có thuyết minh khác

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn 31/12/2009	Tập đoàn 01/01/2009
Tiền mặt tại quỹ	1,513,509,479	1,031,234,917
Tiền gửi Ngân hàng	11,162,837,818	6,215,027,410
Tổng cộng	12,676,347,297	7,246,262,327

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tập đoàn 31/12/2009	Tập đoàn 01/01/2009
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	21,192,880,786	21,353,195,685
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	21,192,880,786	21,353,195,685
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	(11,464,484,106)	(15,611,518,194)
Tổng cộng	9,728,396,680	5,741,677,491

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
Phải thu khách hàng	27,947,107,758	38,612,909,201
Khách hàng nước ngoài	4,248,467,197	5,085,753,033
Khách hàng trong nước	23,698,640,561	33,527,156,169
Trả trước cho người bán	58,420,694,377	19,301,210,582
Khách hàng nước ngoài	9,190,427,951	12,998,616,441
Khách hàng trong nước	49,230,266,426	6,302,594,141
Phải thu khác	32,948,771,351	52,151,450,047
Khoản tạm vay - Nguyễn Thị Thanh Vân	8,100,000,000	8,105,824,829
Công ty TNHH Côn Đảo	805,155,850	1,005,155,850
XN Highland Dragon	1,704,395,000	1,612,815,000
Công ty Xây dựng Tuấn Châu	2,180,000,000	2,200,000,000
Khoản ứng vốn cho Công ty Chơn Thành	-	4,296,975,631
Khoản đặt cọc mua căn hộ Thảo Điền	6,320,155,683	7,443,693,175
Công ty TNHH Hải Thanh	3,894,344,623	6,540,979,371
Khoản cho Công ty Địa ốc FIDECO LAND vay	-	1,000,000,000
Công ty phát triển nhà quận 2	3,639,250,000	3,639,250,000
Công ty TNHH Thiên Hỷ	1,264,840,500	
Công ty TNHH TMDV Anh Nguyệt	200,000,000	
Công ty Cp chứng khoán HSC	-	1,000,000,000
Phải thu cổ tức	891,679,650	1,749,861,490
Ứng trước cổ tức năm 2008	-	11,984,121,377
Cty CP Nông Hải Súc Sản SG	3,000,000,000	-
Các khoản khác	948,950,045	1,572,773,325
Tổng các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	119,316,573,486	110,065,569,830
Dự phòng phải thu khó đòi	(2,639,718,971)	(1,933,903,665)
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	116,676,854,515	108,131,666,165

4. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	36,465,779,331	28,668,253,644
Công cụ, dụng cụ trong kho	510,958,998	335,414,846
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	193,351,954,746	290,276,241,487
Dự án khu nhà ở An Phú (1)	-	28,394,861,914
Dự án chung cư cao cấp Thảo Điền (2)	11,983,797,456	84,885,782,162
Dự án khu dân cư Đông Bình Dương (3)	52,579,992,073	97,417,932,322
Dự án khu dân cư Bình Trưng Đông (4)	41,699,761,628	24,358,816,174
Dự án Cần Giờ (5)	59,510,290,968	55,084,399,001

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Dự án Sài Gòn Mangden (6)	950,828,000	
Chi phí tư vấn Iso	-	134,449,914
Chi phí xây dựng, đền bù giải tỏa Khu Công Nghiệp Chợ Thành	26,627,284,621	
Thành phẩm tồn kho	4,422,859,836	2,429,330,619
Hàng hóa tồn kho	2,225,378,312	2,116,195,085
Giá gốc của hàng hóa tồn kho	236,976,931,223	323,825,435,681
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3,901,884,777)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.	236,976,931,223	319,923,550,904

(1): Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu nhà ở, câu lạc bộ thể dục thể thao và siêu thị trên lô đất 64.158 m² tại phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM theo quyết định giao đất số 940/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 08 tháng 02 năm 2001, UBND TP. HCM ban hành quyết định số 816 về việc xác định diện tích đất cho Công ty thuê để đầu tư kinh doanh siêu thị và câu lạc bộ thể dục thể thao. Công ty đã thuê 7.035m² đất tại phường Thảo Điền, Quận 2 với giá thuê là 6.300 đồng/m²/năm.

Tuy nhiên, đến ngày 19 tháng 2 năm 2004, UBND TP. HCM ban hành quyết định số 643/QĐ-UB cho phép Công ty được chuyển mục đích sử dụng khu đất xây dựng siêu thị sang xây chung cư cao tầng kết hợp thương mại sẽ được đề cập tại thuyết minh điểm 2.

Đến thời điểm hiện nay công trình đã được quyết toán hoàn thành và chuyển nhượng hết cho khách hàng.

(2): Theo thuyết minh điểm (1) nói trên, khu đất xây dựng siêu thị được công ty chuyển mục đích xây dựng thành khu chung cư cao cấp trên diện tích 3.174 m², thuê đất trong vòng 50 năm kể từ ngày 16/10/1998. Công ty đã đóng tiền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước để được quyền sử dụng khu đất ổn định lâu dài.

Các chi phí đến thời điểm hiện nay bao gồm các chi phí đền bù và sử dụng đất, và các chi phí ban đầu thanh toán cho các nhà thầu, chi phí lãi vay và chi phí xây dựng.

(3): Dự án xây dựng khu dân cư thương mại dịch vụ Đồng Bình Dương được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận cho Công ty đầu tư trên tổng diện tích quy hoạch khoảng 126 ha thuộc xã Tân Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, theo công văn số 259/UB-SX ngày 19 tháng 01 năm 2004.

Đến ngày 14 tháng 02 năm 2006, UBND tỉnh Bình Dương mới chính thức ra quyết định số 613/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư thương mại dịch vụ Đồng Bình Dương.

Ngày 20 tháng 7 năm 2006, Fideco ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty Onshine Investments Limited cùng tham gia hợp tác để đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án trên bằng việc cùng tham gia thành lập một doanh nghiệp dưới hình thức một Công ty liên doanh theo pháp luật Việt Nam. Hợp đồng liên doanh sẽ chính thức ký kết khi UBND tỉnh Bình Dương ban hành quyết định giao đất Dự án cho Fideco và có văn bản chấp thuận chủ trương cho 2 bên hợp tác dưới hình thức Công ty Liên doanh, ngoài ra Fideco phải hoàn tất việc kê khai để nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở của Dự án và đền bù đất đạt tối thiểu 90%. Đến ngày 31/12/2008, UBND tỉnh Bình Dương đã cấp cho Công ty giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vốn pháp định được góp theo tỷ lệ: Fideco góp 30% bằng 30% giá trị khu đất, OnShine Investment Ltd góp vốn 70%.

Chi phí đã chi cho dự án bao gồm chủ yếu là tiền thu sử dụng đất, chi đền bù cho các hộ dân, và chi phí lãi vay thực hiện dự án. Đến thời điểm hiện nay Công ty Fideco và Công ty Onshine Investments Limited đang trong quá trình góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đồng Bình Dương.

(4): Dự án xây dựng khu dân cư trên 154 ha đất Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. HCM bao gồm 14 đơn vị tham gia (trong đó có Fideco), và do Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận làm chủ đầu tư.

Ngày 12 tháng 11 năm 2001, Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 7446/QĐ-UB giao Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận 1.369.645 m2 đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bình Trưng Đông.

Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty XD & KD Nhà Phú Nhuận thỏa thuận: Công ty sẽ đóng góp kinh phí để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư Bình Trưng Đông, theo đó Công ty sẽ được quyền sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính trong quá trình thi công nối kết với hệ thống kỹ thuật nội bộ của dự án thành phần và khai thác sau này. Tổng kinh phí đóng góp của Công ty gồm: kinh phí đóng góp để tự thỏa thuận bồi thường cho dân thu hồi đất phục vụ cho công trình công cộng, công viên cây xanh và công trình giao thông; kinh phí đóng góp để đầu tư xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính khu dân cư.

(5): Là dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) để xây dựng khu dân cư tại huyện Cần Giuộc. Tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 50%. Đến thời điểm hiện nay, chi phí của dự án là các chi phí đền bù, chi phí lãi vay và các chi phí ban đầu của dự án.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2,997,314,456	186,843,517
Thuế GTGT được khấu trừ	529,151,480	-
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	878,186,590	99,375,112
Tài sản ngắn hạn khác	1,106,154,509	1,542,349,757
Tổng cộng	5,510,807,035	1,828,568,386

6. Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình

6.2 Tài sản cố định vô hình

6.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
Dự án Cao ốc Hàm Nghi (1)	-	169,264,334,028
Chi phí QL dự án Saigon-Mangden	-	828,000
Dự án Silo (2)	4,804,570,509	
Tổng cộng	4,804,570,509	169,265,162,028

(1): Dự án xây dựng Cao ốc văn phòng để cho thuê tại số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, quận I, TP HCM do Fideco làm chủ đầu tư. Đến thời điểm hiện nay đã quyết toán hoàn thành và tăng bất động sản đầu tư.

(2): Công ty Phước An đang đầu tư xây dựng hệ thống Silo chứa nguyên liệu, với tổng vốn đầu tư theo dự toán là 18.500.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là khu nhà văn phòng làm việc 28 Phùng Khắc Khoan, Quận I, TP. HCM, dùng chủ yếu đầu tư cho thuê. Thời gian khấu hao trong vòng 25 năm. Và cao ốc Hàm Nghi vừa quyết toán hoàn thành, đã đưa vào khai thác cho thuê toàn bộ tòa nhà. thời gian khấu hao trong vòng 40 năm.

**Từ 01/10/2009 đến
31/12/2009**

Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	20,895,920,712
Tăng trong kỳ	176,921,414,512
Giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	197,817,335,224
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu kỳ	11,754,525,919
Khấu hao trong kỳ	3,081,017,276
Giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	14,835,543,195
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	9,141,394,793
Số dư cuối kỳ	182,981,792,029

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết	82,371,953,351	41,667,715,749
Công ty CP Hải Việt (1)	32,789,382,433	30,461,738,839
Công ty Chơn Thành	-	2,757,103,556
Công ty QTUD-CNTT A.M.I.T (2)	-	-
Cty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Địa ốc Châu Lục(3)	-	5,946,673,354
Trung tâm giáo dục đào tạo & hội thảo quốc tế (FIDES) (4)	2,800,750,000	2,502,200,000
Công ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đồng Bình Dương (5)	46,781,820,918	-
Đầu tư dài hạn khác	86,355,730,000	81,008,480,000
+ Đầu tư chứng khoán dài hạn	47,176,730,000	52,003,480,000
Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rong	9,187,890,000	9,187,890,000
NH TMCP Việt Á (6)	37,988,840,000	35,362,790,000
Công ty CP Chứng khoán TP. HCM - HSC (7)	-	7,452,800,000
+ Đầu tư dài hạn khác	39,179,000,000	29,005,000,000
Công ty CP XNK Hải Dương	900,000,000	900,000,000
Công ty CP Sài Gòn - Mangden	3,300,000,000	3,300,000,000
Công ty CP Chứng khoán Sen Vàng	13,500,000,000	13,500,000,000
Công ty CP Vinashinh	450,000,000	450,000,000
Công ty Fideco - Trắng Bàng	480,000,000	480,000,000
Công ty CP Đức Lợi -Fideco	18,674,000,000	8,500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Công ty CP Đầu tư KCN Hóc Môn (8)	1,875,000,000	1,875,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(12,755,594,800)	(1,741,442,000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	155,972,088,551	120,934,753,749

(1): Khoản vốn góp cổ phần vào Công ty Hải Việt đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 là 25.055.700.000 VND, chiếm 26% vốn điều lệ.

(2): Khoản góp vốn với các cá nhân để thành lập Công ty TNHH Quản trị Ứng dụng - Công nghệ Thông tin A.M.I.T, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và đào tạo nghề, trong đó Fideco chiếm 50% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay Công ty A.M.I.T không còn tiếp tục hoạt động, trong thời gian chờ A.M.I.T hoàn tất thủ tục giải thể, Công ty Fideco đã lập dự phòng khoản vốn góp này.

(3): Khoản vốn cổ phần góp vào Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Địa ốc Châu Lục để hoạt động kinh doanh bất động sản và xây dựng. Đến thời điểm 30/09/2009 đã hoàn tất thủ tục pháp lý chuyển đổi Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Địa ốc Châu Lục thành Công ty TNHH một thành viên Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Địa Ốc Châu Lục thành công ty con của Công ty Fideco, tỷ lệ vốn 100%.

(4): Khoản vốn góp vào Trung tâm giáo dục đào tạo & hội thảo quốc tế (FIDES). Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, và hội thảo quốc tế.

(5): Khoản vốn góp vào Công Ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đồng Bình Dương. Công ty thực hiện dự án xây dựng khu dân cư thương mại dịch vụ Đồng Bình Dương.

(6): Khoản đầu tư vốn mua cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Việt Á với tư cách là cổ đông chiến lược, theo hợp đồng nguyên tắc phát hành cổ phần tăng vốn năm 2007 số 3742/HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2007 giữa Ngân hàng Việt Á và Fideco, trong đó giá mua là 33.000 đồng/CP, số lượng là 1.000.000 CP, giá trị là 33 tỷ đồng. Cổ phiếu này sẽ không được chuyển nhượng trong vòng 24 tháng kể từ ngày 15/12/2007. Giá giao dịch của cổ phiếu Việt Á trên thị trường tại thời điểm 31/12/2009 bình quân khoảng 11.000 đồng/CP.

(7): Khoản đầu tư vốn mua cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) với tư cách là cổ đông chiến lược, theo công văn số 14/2007/TB-HĐQT ngày 03 tháng 12 năm 2007 giữa HSC và Fideco, theo đó giá mua là 68.000 đồng/CP, số lượng là 109.600 CP. Đến ngày 31/07/2009 Công ty HSC thông báo công văn số 08/2009/CV-CBTT công bố thông tin về việc giải toả hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông chiến lược trong đó có Công ty Fideco. Giá giao dịch của cổ phiếu HSC trên thị trường tại thời điểm 31/12/2009 bình quân khoảng 57.500 đồng/CP.

(8): Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 41.03.011.598, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 11/11/2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu Tư Khu Công Nghiệp - Đô Thị Hóc Môn là 300 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty TNHH SX KD LT Phước An là 37,5 tỷ đồng chiếm 12,5% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH SX KD LT Phước An đã góp được 1,875 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 5% so với vốn góp đã đăng ký.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tập đoàn 31/12/2009	Tập đoàn 01/01/2009
CP xây dựng Văn phòng 26 Phùng Khắc Khoan (phần bổ 163 tháng), và các chi phí khác		
Số dư đầu kỳ	4,149,678,866	2,460,472,165
Tăng trong kỳ	2,376,469,505	8,254,793,213
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	2,187,162,977	6,565,586,512
Số dư cuối kỳ	4,338,985,394	4,149,678,866

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

10. Nợ ngắn hạn

10.1 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2009		<u>Tập đoàn</u> 01/01/2009	
	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>
NH Ngoại Thương VN (1)	1,589,562.92	28,518,348,348	3,066,314.85	52,056,827,208
NH TMCP Hàng hải Việt Nam (2)	20,288.00	363,987,008	-	-
	-	17,400,000,000	-	-
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam (3)	-	39,028,000,000	-	13,426,500,000
NH TMCP Xuất Nhập Khẩu VN - SGD I (4)	70,500.00	1,264,840,500.00	-	-
Các cá nhân khác (5)	-	4,426,200,000	-	6,426,200,000
Tổng cộng	1,680,350.92	91,001,375,855	3,066,314.85	71,909,527,208

(1): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0500/TD9/07LN ngày 09/4/2007 đã hết thời gian rút vốn. Khoản vay này với hạn mức mới là 120 tỷ để bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng tín dụng số 0666/TD9/09LD ngày 28/8/2009. Thời hạn vay là 3 năm.

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Vietcombank - CN TP. HCM tại thời điểm nhận nợ.

- Tài sản bảo đảm vay vốn: Khu nhà văn phòng 28 Phùng Khắc Khoan, Quận I với giá trị định giá là 6.376.000.000 đồng và 879.224 cổ phiếu ghi danh Fideco do Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rong Bảo Long phát hành trị giá 8.792.240.000 đồng; 165.643 cổ phần ghi danh Fideco do Công ty CP Hải Việt phát hành trị giá 16.564.300.000 đồng; 1.350.000 cổ phần do Công ty CP Chứng Khoán Sen Vàng phát hành trị giá 13.500.000.000 đồng; 1.313.029 cổ phần NH Việt Á phát hành trị giá 13.130.290.000 đồng; 600.000 cổ phần Cty CP Ngoại thương và Phát triển Địa ốc Châu Lục phát hành trị giá 6.000.000.000 đồng. Quyền sử dụng đất 4.886m² đất tại Ấp 1B, xã An Phú, Tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Lương thực Phước An.

(2): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/09/FDC-HCM ngày 9/01/2009 để bổ sung vốn kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng (theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn).

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Maritime Bank - CN TP. HCM tại thời điểm nhận nợ

- Biện pháp đảm bảo: Thế chấp Quyền sử dụng 19.964m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc các thửa số 19, 67 (tờ bản đồ A2) và thửa số 09,43 (tờ bản đồ A3) tại ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị định giá tài sản: 29.000.000.000VND.

(3): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/09/PA-HCM và phụ lục về hỗ trợ lãi suất ngày 15/05/2009. Số tiền vay là 60.000.000.000 VNĐ. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Lãi suất được quy định theo từng thời kỳ và được ghi trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất bột mì tại nhà máy và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển để tại kho của công ty.

(4): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao Dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200903242 ngày 22/4/2009 để bổ sung vốn kinh doanh với thời hạn cho vay là 6 tháng (theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn).

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Eximbank tại thời điểm nhận nợ

(5): Khoản vay các cá nhân khác để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, lãi suất 0,8%/tháng.

10.2 Các khoản nợ phải trả	<u>Tập đoàn</u> <u>31/12/2009</u>	<u>Tập đoàn</u> <u>01/01/2009</u>
Phải trả cho người bán	17,351,947,436	12,295,997,775
Khách hàng nước ngoài	2,613,614,919	1,507,046,896
Khách hàng trong nước	14,738,332,517	10,788,950,879
10.3 Người mua trả tiền trước	50,423,311,408	33,779,265,516
Người mua trả tiền trước	32,325,203,582	30,811,084,974
Doanh thu nhận trước	18,098,107,826	2,968,180,542
10.4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	13,407,121,894	6,405,495,600
Thuế GTGT phải nộp	313,218,689	1,555,852,209
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	95,720,875
Thuế xuất, nhập khẩu	-	337,790,505
Thuế TNDN	13,056,956,891	4,264,855,272
Thuế TNCN	36,946,314	-
Các loại thuế khác	-	151,276,739
10.5 Phải trả công nhân viên	784,408,811	733,203,000
10.6 Chi phí phải trả	3,294,538,878	105,251,313,124
Chi phí giá vốn tạm tính Khu nhà ở An Phú (1)	-	28,150,111,009
Chi phí giá vốn tạm tính Chung cư cao cấp Thảo Điền (2)	59,918,987	75,417,170,549
Chi phí giá vốn tạm tính Fideco Tower (3)	-	1,533,055,795
Chi phí giá vốn tạm tính cho KCN Chợ Thành	3,182,619,891	-
Chi phí phải trả khác	52,000,000	150,975,771
10.7 Phải trả phải nộp khác	155,809,375,207	149,337,456,062
Nhận đặt cọc tiền thuê VP Hàm Nghi của NH TMCP các DN ngoài QĐ	10,018,083,961	10,813,281,258
Tổ chức GD và ĐT Apollo	502,348,000	475,356,000
Công ty CP ĐT XD Dân An tiền đặt cọc mua đất	8,419,125,000	8,419,125,000
VinaCapital Fund	75,066,641,476	34,351,906,926
Khoản đặt cọc mua căn hộ chung cư Thảo Điền	2,509,706,463	3,380,396,252
Khoản góp vốn đầu tư xây dựng nhà ở Dự án Bình Trưng Đông của các cá nhân	45,297,609,545	46,791,493,508
Cty Chứng khoán Đại Việt	-	472,811,037
Công ty Savills Việt Nam - đặt cọc thuê văn phòng	1,790,538,712	1,609,183,092
Leo Burnett - Đặt cọc thuê văn phòng	1,039,591,245	1,261,476,630
Korea Life Insurance - Đặt cọc thuê văn phòng	2,505,460,650	2,386,063,400
Công ty Bảo Hiểm Nhà Rồng (4)	-	30,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng Eximbank	2,142,155,400	
Công ty Chơn Thành	-	2,000,000,000
Các khoản phải trả khác	6,518,114,755	7,376,362,959
Tổng cộng	241,070,703,634	379,712,258,286

(1): Khoản chi phí giá vốn cho dự án Khu nhà ở tại An Phú, phường Thảo Điền, quận 2, TP. HCM tạm tính, đến thời điểm này công trình đã được quyết toán hoàn thành và chuyển nhượng hết cho khách hàng.

(2): Khoản chi phí khấu hao chung cư Thảo Điền được tạm tính đối với phần diện tích còn lại thuộc sở hữu Fideco.

(3): Khoản chi phí khấu hao tòa nhà Fideco Tower được tạm tính, đến nay đã được quyết toán hoàn thành.

(4): Khoản góp vốn vào giai đoạn cuối của dự án cao ốc Fideco Tower tại Hàm Nghi của Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rong (Bảo Long) do Công ty CP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư TP. HCM làm chủ đầu tư, theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01 tháng 01 năm 2009. Đến nay Công ty Fideco đã hoàn trả hết phần vốn góp này.

11. Vay và nợ dài hạn

	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2009		<u>Tập đoàn</u> 01/01/2009	
	<u>USD</u>	<u>VND</u>	<u>USD</u>	<u>VND</u>
NH Ngoại thương VN (1)		1,383,948,784		2,418,948,784
NH TMCP Quốc tế VN (2)		-	56,592,065,060	
			4,616,377.00	78,372,232,329
NH TMCP Hàng Hải (3)		168,075,428,514		2,426,119,358
NH TMCP Việt Á (4)				38,500,000,000
Tổng cộng		169,459,377,298		178,309,365,531

(1): Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Bến Thành theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 0817/TD9/03CD ngày 29/12/2003 để thanh toán chi phí phục vụ cho việc thi công trụ sở và văn phòng số 28 Phùng Khắc Khoan, Quận I, TP. HCM.

- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn gốc là 1 năm.

- Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Vietcombank từng thời kỳ

- Tài sản bảo đảm vay vốn: Cầm cố quyền khai thác trụ sở và văn phòng số 28 Phùng Khắc Khoan trong vòng 25 năm từ năm 2004 đến 2029.

(2): khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. Hồ Chí Minh lần lượt theo các theo hợp đồng tín dụng số 0124/HĐTD2-VIB625/07 ngày 25/10/2007, hợp đồng số 0348/ĐTTD-VIB20/06 ngày 28/8/2006, hợp đồng số 0161/HĐTD2-VIB625/07 ngày 26/12/2007 và hợp đồng số 02999/HĐTD-VIBHCM ngày 09/09/2005 để xây dựng Cao ốc Hàm Nghi. Đến nay Công ty Fideco đã hoàn trả dứt điểm khoản vay này.

(3): Khoản vay trung hạn của NH TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. HCM theo hợp đồng tín dụng 02/09/FDC-HCM ngày 18 tháng 6 năm 2009 để tài trợ Dự án Fideco Tower

- Thời hạn cho vay: 60 tháng, ân hạn 06 tháng.

- Lãi suất: Bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng một lần tính từ ngày nhận nợ đầu tiên.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Q1, TPHCM. Trị giá: 500.000.000.000 đồng.

(4): Khoản vay dài hạn của NH TMCP Việt Á theo hợp đồng tín dụng 1054/HĐTH-VAB, ngày 06 tháng 12 năm 2007 để bổ sung vốn kinh doanh. Đến nay công ty Fideco đã hoàn trả dứt điểm khoản vay này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH
VÀ CÔNG TY CON**

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

12. Vốn chủ sở hữu

12.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem thuyết minh trang 35

12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhà đầu tư	Số vốn góp	Tỷ lệ %
Công ty Codaco	5,569,560,000	3.9
NH XNK Việt Nam	10,013,350,000	7.0
Công đoàn NH XNK Việt Nam	789,750,000	0.6
NH VP Bank	3,998,950,000	2.8
Công ty Chứng khoán Quốc tế VN	343,240,000	0.2
Công ty Chứng khoán TP HCM	1,820,500,000	1.3
NH TMCP Hàng Hải VN	1,529,010,000	1.1
Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	1,529,010,000	1.1
Việt Nam Investment Ltd.	2,621,140,000	1.8
Công ty TNHH TP XK Hai Thành	662,760,000	0.5
Công ty CP M&C	2,402,730,000	1.7
Công ty TNHH Hồng Long	2,402,710,000	1.7
Công ty CP Khang Nga	988,020,000	0.7
Cty TNHH MTV Chứng Khoán NH Sài Gòn Thương Tín	2,689,080,000	1.9
Temasia Capital LTD	500,000,000	0.3
Earls Court Enterprises LTD	758,780,000	0.5
Các cá nhân bên ngoài	69,470,130,000	48.6
Số cổ đông là CBCNV Công ty Fideco	34,888,270,000	24.4
Cộng	142,976,990,000	100

12.3 Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	Từ 01/10/2008 đến 31/12/2008
+ Vốn góp đầu kỳ	142,976,990,000	124,327,690,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	142,976,990,000	124,327,690,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu:	Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	Từ 01/10/2008 đến 31/12/2008
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành và góp vốn đầy đủ	14,297,699	12,432,769
Cổ phiếu thường	14,297,699	12,432,769
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,297,699	12,432,769
Cổ phiếu thường	14,297,699	12,432,769
Mệnh giá cổ phiếu	10,000	10,000

12.4 Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp các khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của công ty

Quỹ khen thưởng dùng để: thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên; thưởng đột xuất cho những cá nhân tập thể trong Tập đoàn.

Quỹ phúc lợi dùng để: đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Tập đoàn; chi cho các hoạt động phúc lợi cộng đồng của tập thể công nhân viên, phúc lợi cho xã hội; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành; trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động lâm vào hoàn cảnh khó khăn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2008 đến 31/12/2008
Doanh thu kinh doanh xuất nhập khẩu	9,123,850,029	6,726,866,505
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	50,624,246,890	36,423,439,810
Doanh thu cho thuê văn phòng	28,917,363,736	25,893,498,480
Doanh thu chuyển nhượng cơ sở hạ tầng	-	16,541,136,364
Doanh thu cho thuê đất	956,141,061	-
Doanh thu dịch vụ khác	33,346,500	74,347,975
Tổng doanh thu	89,654,948,216	85,659,289,134

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại

	-	-
	-	-
3. Doanh thu thuần	89,654,948,216	85,659,289,134

4. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2008 đến 31/12/2008
Giá vốn hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu	7,530,385,988	6,423,243,323
Giá vốn hàng hoá và thành phẩm đã bán	39,067,182,206	45,297,732,216
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	59,918,987	1,533,055,795
Giá vốn chuyển nhượng cơ sở hạ tầng	337,082,173	14,646,653,762
Giá vốn hoạt động dịch vụ tư vấn ISO	134,449,914	-
Giá vốn hoạt động cho thuê đất	728,293,518	-
Tổng cộng	47,857,312,786	67,900,685,096

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2008 đến 31/12/2008
Thu nhập từ hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán	(1,175,080,350)	(711,634,860)
Thu lãi tiền gửi	239,124,202	842,461,794
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,827,585,356	
Lãi cho vay và thu khác	135,236,544	(867,253,593)
Tổng cộng	1,026,865,752	(736,426,659)

6. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2008 đến 31/12/2008
Chi phí lãi tiền vay	7,273,408,109	27,523,342,666
Cho thuê văn phòng	744,003,128	365,211,285
Chi phí hoạt động đầu tư	3,261,745,690	6,218,432,966
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6,465,223,799	
Chi phí khác	374,293,830	800,323,145
Dự phòng đầu tư dài hạn	14,333,044,088	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(3,395,055,494)	-
Tổng cộng	29,056,663,150	34,907,310,062

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Tập đoàn</u> Từ 01/10/2009 đến 31/12/2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,323,921,984)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	11,131,757,378
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận không tính thuế các công ty con	(904,051)
- Các khoản điều chỉnh tăng	16,000,977,690
- Các khoản điều chỉnh giảm	11,799,533,608
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	13,016,183,527
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	3,254,045,882
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo TT 03/2008	1,537,349,150
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,716,696,732
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	2,355,050,384
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4,071,747,116

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn
Từ 01/10/2009 đến
31/12/2009

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

(6,395,952,514)

Lợi nhuận (hoặc lỗ) phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

(6,395,952,514)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

14,297,699

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(447)

9. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Tập đoàn đến thời điểm 31/12/2009

18,667

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

2 Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Tập đoàn

		<u>Tập đoàn</u>	<u>Tập đoàn</u>
<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
*Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
- Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	49.50	55.86
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	50.50	44.14
- Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65.10	70.43
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	34.90	29.57

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

***Khả năng thanh toán**

Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.54	1.42
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.15	1.17
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.04	0.02

***Tỷ suất sinh lời**

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT	%	16.69	4.09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	13.01	3.97

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng TS	%	9.06	1.93
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	7.07	1.87

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	20.42	6.33
---------------------------------------	---	-------	------

Kế toán trưởng

NGUYỄN BẰNG NGUYỄN

TP. HCM, ngày 09 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



TRẦN HỮU CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu kỳ	9,030,270,661	7,459,666,023	5,790,485,767	1,691,708,384	23,972,130,835
- Mua trong kỳ	-	-	453,160,174	-	453,160,174
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9,030,270,661	7,459,666,023	6,243,645,941	1,691,708,384	24,425,291,009
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1,854,304,107	4,241,512,026	3,447,448,602	1,040,284,172	10,583,548,908
- Khấu hao trong kỳ	117,007,563	175,320,621	153,382,245	85,456,501	531,166,930
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,971,311,670	4,416,832,647	3,600,830,847	1,125,740,673	11,114,715,837
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu kỳ	7,175,966,554	3,218,153,997	2,343,037,165	651,424,212	13,388,581,927
- Tại ngày cuối kỳ	7,058,958,991	3,042,833,376	2,642,815,094	565,967,711	13,310,575,172

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.174.289.298 VNĐ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Tăng , giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	26,055,294,000		46,160,000	-	26,101,454,000
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	26,055,294,000	-	46,160,000	-	26,101,454,000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-		35,866,660		35,866,660
- Khấu hao trong kỳ	-	-	1,286,666	-	1,286,666
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	37,153,326	-	37,153,326
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	26,055,294,000	-	10,293,340	-	26,065,587,340
Số dư cuối kỳ	26,055,294,000	-	9,006,674	-	26,064,300,674

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/12/2009

Tập đoàn

6.13.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Vốn chủ sở hữu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ trước	142,976,990,000	73,850,640,000	-	1,765,628,904	3,577,409,871	28,154,772,800
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ trước	-	-	-	-	-	34,153,468,561
- Trích quỹ trong kỳ (công ty con)	-	-	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh	-	-	-	-	-	(232,228,613)
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Trích lợi nhuận tăng vốn kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Trích thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
- Điều chỉnh giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	142,976,990,000	73,850,640,000	-	1,765,628,904	3,577,409,871	62,076,012,748
Số dư đầu kỳ này	142,976,990,000	73,850,640,000	-	1,765,628,904	3,577,409,871	62,076,012,748
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	557,437,592	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(6,395,952,514)
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	(1,367,555,167)
- Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	(507,661,810)
- Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(6,773,267,648)
Số dư cuối kỳ	142,976,990,000	73,850,640,000	-	1,765,628,904	4,134,847,463	47,031,575,609